

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sĩ;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thuý V, sinh năm: 1996. (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Lê Văn T, sinh năm: 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người làm chứng:* Lê Văn Đ, sinh năm: 1944. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2022, bản tự khai ngày 07/4/2023, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý V trình bày:

Về hôn nhân: Chị V và anh Lê Văn T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh

Đồng Tháp ngày 23/5/2014 theo quy định. Trong quá trình chung sống chị V và anh T có sinh được một con chung tên Lê Quốc M, sinh ngày 08/5/2013. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T chỉ lo ăn nhậu không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ, vợ chồng luôn cự cãi, nhận thức trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng. Chị V và anh T đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị V và anh T không có hàn gắn lại với nhau. Nay chị V yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về nuôi con: Có 01 con chung tên Lê Quốc M, sinh ngày 08/5/2013, hiện nay đang sống với anh T, khi ly hôn chị V đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 397/2022/TB-TLVA ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo về việc yêu cầu đương sự có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định nhưng anh T không đến Tòa án trình bày và cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án và cũng không có mặt tại các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Đối với bị đơn anh T, không có mặt để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người làm chứng ông Lê Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và ông Đ là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuý V đối với anh Lê Văn T.

Về nuôi con: Giao con chung tên Lê Quốc M, sinh ngày 08/5/2013 (Lê Quốc M hiện nay đang sống chung với anh Lê Văn T), cho anh Lê Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thuý V không cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không yêu cầu gì mới hay cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thuý V yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Đây là vụ án về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn anh Lê Văn T hiện cư trú tại địa chỉ ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, người làm chứng ông Lê Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn T và ông Lê Văn Đ là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thuý V với anh Lê Văn T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do anh T chỉ lo ăn nhậu không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ, vợ chồng luôn cự cãi, từ đó chị V và anh T đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị không gặp nhau để tìm ra phương cách hàn gắn lại với nhau dẫn đến chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để động viên cho anh, chị hàn gắn lại với nhau nhưng anh T không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án xem xét, chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị V. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ông Đ ngày 26/12/2022 cũng xác định trong đời sống hôn nhân của chị V và anh T luôn mâu thuẫn bất hoà và cự cãi. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con:

Tại phiên tòa, chị V trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Lê Quốc M, sinh ngày 08/5/2013 (Lê Quốc M hiện đang sống

chung với anh T và ông Lê Văn Đ). Khi ly hôn, chị V đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi con, anh T không có ý kiến, tại bản tự khai ngày 31/5/2023 cháu Lê Quốc M có nguyện vọng sống với anh T.

Xét thấy, từ khi chị V và anh T sống ly thân cho đến nay, con chung do anh T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng anh T vẫn đảm bảo cho cháu M có cuộc sống ổn định, phát triển tốt và chị V cũng đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng nên chấp nhận giao cháu M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng cũng không thiếu nợ ai khác. Đối với anh T không có ý kiến cung cấp trong quá trình Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này giữa chị V và anh T có phát sinh tranh chấp về chia tài sản thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuý V đối với anh Lê Văn T (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 42, ngày 23 tháng 5 năm 2014, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về nuôi con:

2.1. Giao con chung tên Lê Quốc M, sinh ngày 08/5/2013 (Lê Quốc M hiện nay đang sống chung với anh Lê Văn T), cho anh Lê Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thuý V không cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn T không yêu cầu.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Chị Nguyễn Thị Thuý V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0012884 ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Thuý V đã nộp đủ.

3.2. Anh Lê Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Trần Minh Châu